

**SINH KẾ CỦA NGƯỜI NÙNG
Ở HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

NGUYỄN THỊ TÁM*

Sinh kế là nền tảng phát triển trong đời sống của mỗi tộc người. Sinh kế phụ thuộc chặt chẽ vào biến đổi tài nguyên, môi trường sống và điều kiện phát triển xã hội. Thích ứng sinh kế là điều tất yếu diễn ra khi điều kiện sống thay đổi. Nghiên cứu phân tích một số hoạt động sinh kế của người Nùng ở huyện biên giới Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng hiện nay, bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, bốc vác, vận chuyển hàng hóa và làm thuê qua biên giới. Kết quả nghiên cứu giúp nhận diện được những ứng xử kinh tế của người Nùng với môi trường và điều kiện kinh tế, xã hội địa phương trong bối cảnh hội nhập, kinh tế thị trường và đại dịch COVID-19.

Từ khóa: sinh kế, người Nùng, biên giới, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Nhận bài ngày: 03/5/2023; *đưa vào biên tập:* 08/5/2023; *phản biện:* 01/8/2023; *duyet đăng:* 11/8/2023

1. DẪN NHẬP

Dọc tuyến biên giới Việt - Trung có 24 tộc người cư trú với 3 sắc thái văn hóa chính: văn hóa của các dân tộc Tày, Nùng; văn hóa của dân tộc Hmông; văn hóa của một số dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến (Vương Xuân Tình, 2014: 88). Bức tranh văn hóa mưu sinh của các tộc người nơi đây phản ánh môi trường, địa vực cư trú và những thói quen sinh hoạt của vùng biên giới. Cư trú ở vùng biên cương, người Nùng tại

huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã và đang tạo ra những sinh kế phù hợp với tập quán văn hóa địa phương, tập quán văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập, hòa nhập. Họ đã điều chỉnh và đa dạng hóa các hoạt động sinh kế nhằm tận dụng những cơ hội hiện có. Điều này giúp họ ổn định thu nhập, nhưng cũng tiềm ẩn không ít những rủi ro, thách thức.

Người Nùng ở Cao Bằng gồm các nhóm: Nùng Giang, Nùng An, Nùng Phàn Sình, Nùng Inh, Nùng Lòi, Nùng Cháo... Tuy có sự phân chia nhưng các nhóm vẫn có những nét tương

* Viện Dân tộc học.

đồng về nhiều mặt trong cuộc sống sinh hoạt và tập quán. Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, với diện tích 688,01km², dân số 70.424 người, 21 đơn vị hành chính, có đường biên giới đất liền dài 93km giữa Việt Nam và Trung Quốc (Cổng thông tin điện tử huyện Trùng Khánh, 2020). Đây là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc, trong đó có người Nùng. Người Nùng ở huyện Trùng Khánh chủ yếu là nhóm Nùng Giang và Nùng An, phân bố cư trú ở hầu khắp các xã, phường, thị trấn. So với trước đây, các nhóm Nùng hiện nay phát triển đông hơn nhiều về dân số, nhưng vẫn sống quần cư theo từng làng bản tại vùng đồi núi thấp, ven chân núi, thung lũng, vùng địa hình gần sông, suối, thuận lợi cho canh tác nông - lâm nghiệp. Khu vực sinh sống của đồng bào trải dọc theo chiều dài biên giới, giáp với khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với những cộng đồng trong nước và bên kia biên giới. Đặc biệt, những ảnh hưởng từ nhóm người Choang sống ở bên kia biên giới còn khá đậm nét trong đời sống của người Nùng hiện nay (Trần Thị Mai Lan, 2021: 121).

Nghiên cứu tiến hành hai đợt khảo sát thực địa vào tháng 11/2021 và tháng 4/2022 tại các thôn: Thín Phong, xã Quang Hán, thôn Bảo Biên, thôn Bình Chinh Trên, xã Tri Phương của huyện Trùng Khánh. Bằng phương pháp điền dã dân tộc học, quan sát tham gia, vận dụng các thao tác phỏng vấn

sâu, thảo luận nhóm người dân, chúng tôi đã tìm hiểu về đời sống sinh kế và biến đổi sinh kế của người Nùng ở huyện Trùng Khánh, đặc biệt quan tâm những tác động của đại dịch COVID-19. Từ đó, bước đầu làm sáng tỏ bức tranh sinh kế cũng như đưa ra một số nhận xét, đánh giá về thích ứng sinh kế của tộc người nghiên cứu trong bối cảnh hiện nay.

2. HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

2.1. Trồng trọt

2.1.1. Trồng cây lương thực

Tại những xã giáp biên, người Nùng kết hợp gieo trồng giống lúa truyền thống và giống lúa mua từ Trung Quốc khá phổ biến. Ban đầu, lúa giống Trung Quốc do những người có người thân kết hôn với người bên kia biên giới mang về trồng sau những dịp đi thăm thân hoặc đi làm thuê. Theo chia sẻ của người dân, lúa giống Trung Quốc tuy đắt hơn lúa giống trong nước nhưng phù hợp với thổ nhưỡng của vùng, mùa vụ, cơm dẻo, ngon, năng suất khá cao nên họ lấy về trồng thử và nhân rộng. Hiện nay, không chỉ những xã giáp biên, ngay cả những xã nội địa, chúng tôi vẫn thấy các cửa hàng kinh doanh giống cây trồng và vật tư nông nghiệp bày bán số lượng lớn các giống lúa của Trung Quốc.

Những giống lúa lai Trung Quốc như Nhị Ưu 63, Nhị Ưu 838... do các cơ sở kinh doanh giống cây trồng ở xã cung cấp xuất hiện khá nhiều trên đồng ruộng của người Nùng. *“Những năm trước dịch COVID-19, tại xã Tri*

Phương, huyện Trùng Khánh có đến gần 80% diện tích đất trồng lúa của xã sử dụng các giống lúa lai Trung Quốc” (PVS, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, 1982). Một người dân cho biết: *“Trước năm 2019, gia đình tôi gieo cấy toàn bộ diện tích gần 2 sào ruộng bằng giống lúa lai Trung Quốc. Giá bán lúa lai Trung Quốc khá cao, từ 100.000 đến 120.000 đồng/kg, đắt hơn 15.000 - 45.000 đồng/kg so với lúa lai nội địa, nhưng cho năng suất cao nên người dân vẫn ưa chuộng”* (PVS, nam, 1958, thôn Bình Chính Trên, xã Tri Phương).

Dù giá lúa giống của Trung Quốc đắt hơn nhiều lần lúa giống trong nước nhưng vụ xuân năm 2018, các chủ cơ sở cửa hàng vật tư nông nghiệp tại thị trấn Trùng Khánh hay thị trấn Trà Lĩnh vẫn bán số lượng lúa giống Nhị Ưu 986 và Khải Phong (Trung Quốc) gấp 3 lần các giống lúa Bắc Hương, Khang Dân được sản xuất trong nước. Giá lúa giống Trung Quốc đắt hơn so với lúa giống trong nước nhưng người dân vẫn chi tiền mua về trồng. Cụ thể, trong khi lúa Nhị Ưu có giá 100.000 đồng/kg, lúa Khải Phong giá 114.000 đồng/kg (năm 2018) thì lúa Bắc Hương (của Việt Nam) chỉ 45.000 đồng/kg (PVS, nam, 1958, thôn Bình Chính Trên, xã Tri Phương).

Chủ một cơ sở kinh doanh hạt giống ở thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh cho biết, cứ đến thời điểm chuẩn bị vụ mùa hàng năm tại phía Bắc các công ty hạt giống lại ồ ạt sang Trung Quốc đặt hàng lúa giống. Nhận

biết được tâm lý này, các nhà cung cấp giống Trung Quốc thường tạo ra khan hiếm giả rồi đẩy giá lên cao hơn nhiều so với thông thường. Chẳng hạn như vào cuối năm 2017, lúa giống được các công ty Trung Quốc đẩy lên đến gần 100.000 đồng/kg, có loại trên 100.000 đồng/kg nhưng các công ty vẫn mua vì vụ gieo hạt mới đã sắp bắt đầu. Các cửa hàng vật tư nông nghiệp chỉ là khâu trung gian, giá nhập vào cao thì giá bán cho người dân cao nên không ảnh hưởng gì nhiều, chỉ có người nông dân chịu thiệt thòi.

Mặc dù các giống lúa Trung Quốc đang chiếm ưu thế trên diện tích đồng ruộng của người Nùng tại các xã vùng biên giới, nhưng không phải gia đình nào cũng bỏ hết giống địa phương hay lúa lai Việt Nam, nhất là thế hệ người già, họ vẫn thích ăn cơm từ lúa truyền thống, do hợp với khẩu vị. Vì thế những gia đình còn người già, giống lúa địa phương hay lúa lai Việt Nam vẫn được duy trì trên đồng ruộng: *“Giống lúa của bên kia thường năng suất hơn lúa địa phương, chẳng hạn 1kg giống khi thu hoạch được 25 bao lúa ưót; còn giống lúa bản địa thì chỉ được 20 bao thôi. Lúa Trung Quốc năng suất hơn, dẻo hơn nhưng không bỏ được lúa địa phương đâu vì người già vẫn thích ăn cơm từ lúa của mình, nó tơi cơm và ngọt đậm. Lúa bên kia ăn tuy dẻo nhưng nấu lở nước là cơm quánh vào với nhau, người già không ăn được, vị cơm lại nhạt hơn lúa của mình”* (PVS, nam, 1983, thôn Thim Phong, xã Quang Hán). Mặt khác,

giống lúa của Trung Quốc có nhược điểm là cây lúa dễ bị sâu bệnh (sâu cuốn lá, sâu đục thân), lúa dễ làm giống không tận dụng được từ lúa cũ mà phải mua hoàn toàn giống mới để gieo mạ. Trong khi đó, giống lúa của Việt Nam có khả năng chống được sâu bệnh khá tốt nên người Nùng tại xã Quang Hán vẫn duy trì các giống lúa này.

Việc phụ thuộc vào một thị trường cung cấp hạt giống không chỉ tạo điều kiện cho các chủ cơ sở bán hàng ép giá mỗi khi vào vụ mà còn có nguy cơ ảnh hưởng tới sự chủ động nguồn lương thực của cả vùng. Khi Trung Quốc xây dựng hàng rào thép gai ngăn cách biên giới và khi dịch COVID-19 diễn biến phức tạp khiến Trung Quốc và Việt Nam đều siết chặt hơn các lối qua lại biên giới nên hàng hóa không lưu thông. Do đó các giống lúa từ Trung Quốc cũng không thể sang Việt Nam như trước, người Nùng ở đây buộc phải quay trở lại gieo trồng các giống lúa lai của Việt Nam và lúa địa phương.

Bên cạnh cây lúa, người Nùng còn trồng giống khoai lang vàng nghệ của Trung Quốc. Giống khoai này chỉ trồng được 1 vụ trong năm từ tháng 8 đến tháng 11 dương lịch, thời gian sinh trưởng nhanh, ăn ngọt, dẻo thơm nên rất được người Nùng tại đây ưa chuộng. Người dân cho biết, giống khoai lang này có nguồn gốc từ bên Trung Quốc. Một phụ nữ người Nùng thôn Bình Chính Trên lấy chồng bên Trung Quốc, hàng năm bà vẫn trở về

thôn bản thăm người thân và có mang một số giống lương thực để người thân gieo trồng. Giống khoai lang này hiện nay được nhân giống ra những xã khác của huyện Trùng Khánh và Hà Quảng, không chỉ người Nùng mà dân tộc Hmông cũng gieo trồng.

Nếu như giống lúa hoặc khoai lang được người Nùng du nhập từ đồng tộc bên kia biên giới thì giống ngô nếp của bà con người Nùng tại đây lại rất được người dân Trung Quốc ưa chuộng. Giống ngô này có thể trồng được trên đất nương và đất ruộng, có đặc tính chống chịu sâu bệnh cao, bắp ngô dễ bảo quản và hiếm khi bị mọt. Ngô có vị ngọt đậm và dẻo nên người dân thường dùng để ăn chứ không chăn nuôi.

Qua những lần thăm thân ở thôn Thín Phong (xã Quang Hán), một người Choang (xã Long Bang, Trĩn Tây, Quảng Tây, Trung Quốc) thấy loại ngô này đặc biệt ngon nên mang về trồng. Tuy nhiên, người Nùng ở Thín Phong cho biết, giống ngô này trồng trên thổ nhưỡng Long Bang (Trung Quốc) đến vụ thứ ba, bắp thường nhỏ dần và thưa hạt. Nhưng ngay cả khi bị thoái hóa giống, người dân bên Trung Quốc vẫn nhờ người thân hoặc đồng tộc bên Việt Nam mua giúp để tiếp tục gieo trồng.

Ngoài trồng giống ngô nếp địa phương, người Nùng tại Trùng Khánh cũng trồng thêm các giống ngô lai của Việt Nam, cho năng suất 38 - 42,5 tạ/ha. Người Nùng thường trồng 2 vụ ngô/năm trên đất nương: vụ đông

xuân và vụ hè thu. Các giống ngô lai được người dân trồng phổ biến trong những năm gần đây là 555, 511, 512, 95, 102... Ngô lai sau khi thu hoạch, phần lớn để lại làm thức ăn chăn nuôi, phần còn lại bà con tách hạt và bán cho các lái buôn để bán sang Trung Quốc hoặc thị trường dưới xuôi, trong đó thị trường Trung Quốc chiếm 2/3. Người dân cho biết, ngô được Trung Quốc thu mua để sản xuất cám chăn nuôi vì *“Thu mua ngô bên Việt Nam rẻ hơn bên nước họ, mua về làm nguyên liệu sản xuất cám chăn nuôi rồi họ lại bán cho dân bên mình. Cám tăng trọng của Trung Quốc bán rẻ hơn cám Việt Nam, phù hợp túi tiền bà con trên này nên đã phần mọi người mua cám đó. Nhưng mà giờ COVID-19 thì mua bán với Trung Quốc khó rồi”* (PVS, nam, 1981, thôn Thín Phong, Quang Hán, Trùng Khánh).

2.1.2. Trồng các loại cây khác

Từ đầu năm 2020 đến nay, dưới tác động của đại dịch COVID-19, phía Trung Quốc đã thực hiện chính sách đóng chặn các đường mòn, lối mở trên toàn tuyến biên giới tiếp giáp với Việt Nam, trong đó có khu vực thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng. Chính sách “zero COVID” của Trung Quốc đã tác động mạnh đến cuộc sống của đồng bào các tộc người thiểu số đang sinh sống ở khu vực giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trước sự quản lý chặt chẽ việc qua lại biên giới, một bộ phận người Nùng vùng biên đã lâm vào tình thế bị động, khó thích ứng với điều kiện mới, không chủ động giải

quyết những khó khăn trong đời sống của mình mà tiếp tục trông chờ vào sự thay đổi chính sách biên giới của Trung Quốc. Tuy nhiên, phần lớn cư dân quay trở lại tập trung vào hoạt động nông nghiệp trồng trọt, ngoài trồng cây lương thực, họ đã đa dạng hóa các loại cây trồng để tăng thêm thu nhập.

So với các tộc người khác trong khu vực, do lợi thế địa hình cư trú thấp hơn nên người Nùng có diện tích đất đai màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau. Tại huyện Trùng Khánh, người Nùng sống thành từng bản (làng) như dân tộc Tày, trên các thung lũng bằng phẳng, giữa các vùng núi đá, núi đất trong các vùng nội địa và dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Cây trồng chủ yếu của người Nùng ở huyện Trùng Khánh là lúa, ngô, sắn, đỗ tương, rau và cây dẻ. Diện tích lúa trung bình của mỗi hộ là 3.097,3m² (Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh, 2021: 5). Do điều kiện thời tiết khắc nghiệt, mùa đông có sương muối và mưa tuyết, nên người dân ở đây chỉ canh tác được một vụ lúa, năng suất lúa còn thấp, hơn nữa người dân vẫn canh tác theo phương thức truyền thống, gieo mạ trên ruộng, nhổ mạ để cấy, ít chú trọng đến việc chăm sóc, bón phân và phòng trừ sâu bệnh. Ở thôn Bình Chính Trên, xã Tri Phương, huyện Trùng Khánh, cả làng chỉ có 1 mó nước ăn chung, vào mùa khô thường thiếu nước ăn 2 - 3 tháng và không có đủ nước để canh tác.

Với những điều kiện khó thâm canh tăng vụ lúa nước, người Nùng ở huyện biên giới Trùng Khánh đã đa dạng cơ cấu cây trồng, từ chỗ canh tác lúa nước phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa, người dân đã tận dụng diện tích đất nông nghiệp để trồng ngô, sắn, lạc, thuốc lá,... để tăng thêm thu nhập, cải thiện cuộc sống. Đặc biệt người dân đã áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong trồng trọt từ các chương trình, dự án hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Nhờ vậy diện tích các loại cây trồng cũng như năng suất và sản lượng đã tăng lên.

Trùng Khánh là địa phương có truyền thống lâu đời trồng thuốc lá, đặc biệt ở xã Cao Thăng và Ngọc Côn, cây thuốc lá được xác định là cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân. Tại các điểm nghiên cứu, từ năm 2020 các hộ người Nùng bắt đầu đẩy mạnh việc trồng cây thuốc lá, song diện tích thuốc lá có sự chênh lệch giữa các nhóm hộ, hộ càng nghèo thì diện tích trồng thuốc lá càng ít. Mặc dù thuốc lá là một cây trồng mang lại giá trị cao, góp phần xóa đói giảm nghèo nhưng việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng thuốc lá còn hạn chế, một số hộ dân chưa thấy được giá trị của cây trồng này, dù được chính quyền vận động, các công ty thuốc lá hỗ trợ giống và cho vay phân bón nhưng họ vẫn không trồng. Một nguyên nhân nữa dẫn đến việc người dân không muốn trồng thuốc lá đó là giá cả không ổn định, việc ký kết hợp

đồng giữa công ty và người dân chưa rõ ràng. Đối với cây thuốc lá thì điều kiện đất đai, khí hậu ở các xã đều phù hợp để phát triển. Tuy nhiên các cấp chính quyền cần có sự can thiệp đối với các công ty thuốc lá để sự đầu tư cũng như tiêu thụ đảm bảo lợi ích cho người trồng thuốc lá. Huyện Trùng Khánh ưu tiên phát triển khu vực sản xuất thuốc lá tại các xã Ngọc Côn, Đình Phong, một phần xã Tri Phương. Đây là những xã có truyền thống trồng thuốc lá.

Từ năm 2020, cây dẻ được các cấp chính quyền huyện lựa chọn là cây trồng mũi nhọn có nguồn gốc bản địa. Huyện Trùng Khánh đã ban hành chính sách hỗ trợ, phát triển, phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện sẽ trồng mới 73 ha cây dẻ gắn với quảng bá du lịch thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao. Các xã vùng quy hoạch, trong đó có xã Ngọc Côn, Đình Phong... được giao chỉ tiêu trồng mới từ 15 đến 30 ha với phương thức nhà nước hỗ trợ giống, có nghiệm thu tỷ lệ mọc, hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi, hạt dẻ Trùng Khánh có hương vị thơm ngon, ngọt bùi và có giá bán khá cao, khoảng 100.000 - 150.000 đồng/kg, cao gấp 3 - 4 lần so với trồng ngô, sắn. Nhìn chung, trong trồng trọt, người Nùng ở các xã biên giới đã có sự chuyển đổi theo hướng đa dạng cơ cấu cây trồng, từ chỗ canh tác lúa nước phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa, người dân đã tận dụng diện tích

đất nông nghiệp để trồng các loại cây cho năng suất và thu nhập cao. Đặc biệt người dân đã tiếp nhận những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt từ các chương trình, dự án hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Nhờ vậy diện tích các loại cây trồng cũng như năng suất và sản lượng ngày một tăng. Tuy nhiên, sự có mặt ngày càng phổ biến của phân bón hóa học gây ra tình trạng bạc màu và thoái hóa đất canh tác; sự xuất hiện của các giống cây trồng mới dù mang lại năng suất cao nhưng cũng tỷ lệ thuận với tình trạng sâu bệnh ngày một nhiều.

2.2. Chăn nuôi

2.2.1. Thay đổi tập quán chăn nuôi

Trong truyền thống, người Nùng thường nhốt vật nuôi ở gầm sàn nhà để bảo vệ tài sản cơ nghiệp của gia đình, tuy nhiên thói quen này tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe của người dân. Năm 2019, được sự giúp đỡ về kinh phí của Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng và chính quyền địa phương, tại các xã biên giới, rất nhiều gia đình đã di dời gia súc dưới gầm sàn nhà ở ra chuồng trại riêng biệt. Theo đó, các gia đình tiến hành xây chuồng trại, sau đó chia thành các ô nhỏ để vừa nuôi trâu, bò thịt vừa nuôi gà, lợn. *“Từ khi di dời gia súc, gia cầm ra khỏi gầm sàn nhà ở, tôi thấy không khí trong lành, thoáng mát hơn, không còn mùi hôi thối, ruồi, muỗi cũng giảm nhiều”* (PVS, Nam, sinh năm 1982, dân tộc Nùng, thôn Bình Chinh Trên, xã Tri Phương). Tuy

nhien theo báo cáo của huyện Trùng Khánh, chỉ có 70% các hộ người Nùng di dời chuồng trại chăn nuôi ra khỏi nhà (Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh, 2021: 6). Nguyên nhân là do phần lớn người dân có diện tích đất thổ cư nhỏ hẹp nên không có chỗ làm chuồng trại riêng biệt. Mặt khác, do sống gần biên giới, trong quá khứ từng bị nạn thổ phỉ cướp bóc nên họ vẫn giữ mối lo mất “tài sản cơ nghiệp” nếu làm chuồng trại xa nhà.

Thời tiết ở vùng cao biên giới thường khắc nghiệt về mùa đông, và đây là thời điểm gây ra khá nhiều dịch bệnh cho gia súc, nhất là trâu, bò. Khi tham gia các lớp tập huấn về kiến thức phòng bệnh trong chăn nuôi, người dân đã học được một số cách để bảo vệ trâu, bò trước thời tiết giá rét. *“Được cán bộ tuyên truyền, gia đình tôi chủ động nuôi nhốt trâu bò, che chắn tránh gió trong những đợt rét đậm, cho ăn đủ dinh dưỡng để đảm bảo sinh trưởng”* (PVS, nữ, 1958, dân tộc Nùng, thôn Thín Phong, xã Quang Hán); hoặc *“Nếu trời rét đậm rét hại thì nấu cám để cho trâu bò ăn hoặc cho ăn bằng bã rượu, không để trâu bị ướt chân, như thế mới đảm bảo trâu không bị rét”* (PVS, nam, 1978, thôn Thín Phong, xã Quang Hán).

Để giúp đàn trâu được giữ ấm trong mùa đông, các hộ chăn nuôi đều không chăn thả trâu, bò trong những ngày giá rét, quây bạt quanh chuồng trại và vệ sinh chuồng khô thoáng, một số gia đình còn dùng ngô xát ủ rượu, mỗi bữa cho ăn 1 bát nhỏ, việc

này giúp trâu, bò giữ ấm. Một số người dân cho biết, các lái buôn Trung Quốc còn chỉ cho cách để giữ ấm cho trâu, bò về mùa rét: *“đập trứng gà vào cám đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho nghé (trâu con) để tăng sức đề kháng giúp vật nuôi chống chịu tốt với thời tiết và dịch bệnh. Dùng vỏ trấu rải quanh chỗ trâu bò nằm sẽ giảm thiểu được tối đa tình trạng trâu, bò chết rét”* (PVS, nam, 1982, thôn Thín Phong, xã Quang Hán). Bên cạnh đó, người dân cũng tiêm phòng đầy đủ cho đàn gia súc mỗi năm 2 lần đảm bảo phòng tránh một số dịch bệnh phổ biến ở đây như: viêm da nổi cục ở trâu, bò, lở mồm long móng...

2.2.2. Tổ chức chăn nuôi theo kinh tế hàng hóa

Nếu như trước đây, chăn nuôi trâu bò chủ yếu phục vụ nhu cầu cày kéo, sinh sản hoặc lấy phế phẩm phục vụ trồng trọt, thì nay các vật nuôi chủ yếu được người Nùng nuôi theo hình thức vỗ béo trong thời gian ngắn và xuất sang thị trường lớn Trung Quốc. Hoạt động chăn nuôi vỗ béo trâu, bò xuất hiện ở những thôn bản người Nùng cách đây khoảng mười năm, khi các lái buôn Trung Quốc sang Việt Nam tìm kiếm thị trường gia súc. Khi ấy, những thành viên nhanh nhạy nhất các thôn vùng cao biên giới đã thử tìm mua trâu, bò ở những huyện đồng bằng về nuôi vỗ béo. Chế độ chăm sóc, nuôi khá đặc biệt nên thời gian đầu không phải ai cũng thành công. Những hộ này cũng tìm sang các thôn

người Hmông ở huyện khác để học hỏi phương pháp và mô hình vỗ béo trâu bò thành công của họ, từ đó rút kinh nghiệm để phát triển chăn nuôi hộ gia đình. Theo kinh nghiệm của người dân ở đây, trâu bò nuôi vỗ béo đúng kỹ thuật trọng lượng có thể tăng từ 10 đến 15kg/tháng, nuôi trong 3,5 - 4 tháng xuất chuồng. Người dân cho biết, kỹ thuật nuôi trâu vỗ béo khá đơn giản, có thể nuôi bán chăn thả hoặc nhốt chuồng hoàn toàn. Thức ăn để vỗ béo chủ yếu là rau, cỏ voi và phụ phẩm nông nghiệp như cây ngô; thường xuyên bổ sung thức ăn tinh như ngô, khoai, sắn... Trâu nuôi vỗ béo phải là trâu đã đủ 2 tuổi có khung xương to. Bên cạnh đó, luôn chú trọng công tác vệ sinh chuồng trại và tiêm vắc-xin phòng bệnh đầy đủ theo hướng dẫn. Không chỉ nuôi vỗ béo trâu bò, trong những năm gần đây người Nùng còn chú trọng nuôi lợn đen để nâng cao thu nhập.

Giữa năm 2021, nắm bắt cơ hội thị trường thịt lợn hơi được giá do ảnh hưởng của bệnh dịch tả lợn châu Phi, các gia đình người Nùng ở đây đã chuyển hướng tăng đàn lợn, đồng thời áp dụng các biện pháp phòng bệnh. Họ hạn chế người ra vào khu vực chăn nuôi và tiêm phòng đầy đủ, định kỳ cho đàn lợn, vì vậy vẫn chăn nuôi an toàn và cho xuất chuồng đều đặn 2 lứa/năm.

Để chủ động về nguồn giống và đảm bảo an toàn dịch bệnh, các hộ gia đình người Nùng đã đầu tư chăn nuôi lợn nái và thực hiện phối giống tại chỗ.

Trung bình một lứa một hộ gia đình chăn nuôi khoảng 50 - 80 con lợn, trong đó có cả lợn đen và các giống lợn bản địa. Ông Nông V.Đ, chia sẻ: *“Chăn nuôi trong thời điểm dịch bệnh còn nhiều diễn biến phức tạp, để hạn chế rủi ro trong chăn nuôi, gia đình tôi đặc biệt chú ý phòng dịch bệnh. Khu vực chăn nuôi thường xuyên rắc vôi bột xung quanh; hạn chế người ra vào. Bên cạnh đó phải thường xuyên theo dõi thông tin về tình hình dịch bệnh để có các biện pháp ứng phó, nhất là khu vực xung quanh, địa bàn lân cận”* (PVS, Nam, 1975, thôn Bình Chính Trên, xã Tri Phương). Gia đình ông còn chăn nuôi trâu, bò, trong đó chú trọng vỗ béo đàn gia súc, bởi đây là một trong những phương pháp đem lại nguồn thu nhập trong chăn nuôi ở vùng biên giới Cao Bằng. Trong chuồng của gia đình thường xuyên nuôi khoảng 10 con trâu, bò. Trước dịch COVID-19, mỗi con xuất chuồng bán được 39 - 40 triệu đồng, thu nhập mỗi con trên 30 triệu đồng.

Hoạt động chăn nuôi đã đem lại nguồn thu đáng kể, góp phần cải thiện đời sống cho nhiều hộ dân. Ở xã Tri Phương có một số hộ làm kinh tế giỏi từ chăn nuôi. Để tận dụng đất đai canh tác, các gia đình đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi từ sản xuất các cây lương thực truyền thống như trồng ngô và các loại cây lấy củ sang trồng các loại củ, khoai lang phục vụ thức ăn chăn nuôi. Hiện nay, diện tích trồng củ voi của mỗi hộ chăn nuôi lên đến gần 1 ha, nguồn thức ăn cho trâu,

bò luôn được đảm bảo ngay cả trong mùa đông (Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh, 2021: 6).

Chuyển đổi từ chăn nuôi sinh sản sang nuôi vỗ béo bán thịt đã trở thành điểm sáng ở một số hộ người Nùng, giúp các hộ dân chủ động được nguồn thu nhập trong khoảng thời gian 3 - 5 tháng. Đây cũng là bước chuyển tích cực và đáng khích lệ của chăn nuôi từ tự túc sang hàng hóa ở người Nùng huyện Trùng Khánh. Đồng thời công việc này giúp người dân tiếp xúc nhiều hơn với thị trường buôn bán, nâng cao khả năng giao thương với đồng tộc hoặc tộc người khác, không chỉ trong nước mà còn có các lái buôn người Choang ở bên Trung Quốc - khi họ sang Việt Nam tìm mua các loại gia súc lớn.

3. HOẠT ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP

Bên cạnh các hoạt động nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi, người Nùng ở huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng còn hoạt động sinh kế trong những lĩnh vực khác. Ở đây, nghiên cứu tìm hiểu những hoạt động sinh kế phi nông nghiệp nổi bật của họ.

3.1. Bốc vác thuê

Nghề bốc vác hàng thuê của các tộc người thiểu số, trong đó có người Nùng ở các xã vùng biên hình thành từ lâu do nhu cầu trao đổi hàng hóa ở khu vực cửa khẩu. Khi kinh tế cửa khẩu phát triển, lưu lượng hàng hóa nhiều, người tham gia bốc vác, vận chuyển cũng đông lên. Bốc vác hàng thuê thường diễn ra ở các cửa khẩu

chính ngạch hoặc tại các cửa tiểu ngạch ở cột mốc giáp biên. Người dân vác các thùng hàng từ xe này sang xe khác với quãng đường rất ngắn, tuy nhiên các thùng/kiện hàng khá to từ 35 đến 50kg, chủ yếu là hàng nông sản và hàng đông lạnh.

Thôn Bảo Biên, xã Tri Phương là điểm diễn ra những hoạt động kinh tế biên mậu sôi động của huyện Trùng Khánh. Hoạt động bốc vác hàng hóa diễn ra cả ban ngày và ban đêm nhưng ban đêm nhiều hơn; và chủ yếu là hàng tiểu ngạch trốn thuế (Trần Thị Mai Lan, 2022): *“Khi xe ô tô lùi đến điểm tập kết hàng, đội khuân vác sẽ bốc hàng từ xe này sang xe của Trung Quốc, hai xe đầu đuôi xe chạm nhau nên công việc bốc vác nhanh gọn lẹ”* (PVS, Nam, sinh năm 1968, dân tộc Nùng, thôn Bảo Biên, xã Tri Phương).

Tiền công được trả tùy theo các thùng hàng, mỗi thùng được trả từ 7 đến 8 nghìn đồng nếu bốc vác từ đuôi xe này sang đuôi xe khác tại cửa khẩu, trường hợp quãng đường bốc vác xa hơn thì được trả từ 25 đến 50 nghìn đồng/thùng hàng. Thu nhập từ công việc bốc vác tại thôn của một nam thanh niên trung bình là 700 nghìn đồng đến 1,2 triệu đồng/ngày. Do thu nhập hấp dẫn nên trước 2019, thanh niên trong thôn hầu ít đi làm ăn ở nơi khác.

Công việc bốc vác thu hút hầu hết người dân thôn Bảo Biên, không chỉ đàn ông mà phụ nữ cũng tham gia, trẻ em 15 - 16 tuổi nghỉ học sớm cũng tham gia vào công việc này. Ông

Nông V.T, nói: *“Ôi cái đội choai choai trẻ mới lớn chúng nó thích tiền lắm, đi bốc vác có tiền tươi, lại đang sức trẻ khỏe nên chúng nó ham, có khi còn bỏ bê học hành chả thiết đâu”* (PVS, nam, 1968, người dân thôn Bảo Biên, xã Tri Phương). Sức mạnh của đồng tiền đã khiến một số em nhỏ đang ở độ tuổi ngồi trên ghế nhà trường phải dừng việc học, trong khi ở những bãi tập kết hàng hóa tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ về tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy mà nhiều người dân trong thôn rất lo ngại khi nhắc đến. Mỗi thôn chia ra nhiều tổ đội khác nhau, mỗi tổ 10-12 người theo sự chỉ đạo của tổ trưởng sẽ được bốc vác luân phiên với các tổ khác để tránh trùng lặp. Trước COVID-19, hàng hóa nhiều, lịch bốc vác dày đặc nên các chủ phải gọi người thôn, xã ngoài đến bốc vác.

Giai đoạn COVID-19 đến nay, Trung Quốc kiểm soát biên giới bằng hàng rào thép gai, mọi hoạt động giao thương hàng hóa, nhất là qua đường tiểu ngạch bị dừng lại. Những cư dân sở tại và dân di cư sinh sống lâu năm tại khu vực gần cửa khẩu gần như mất thu nhập từ công việc bốc vác thuê. Một bộ phận thanh niên liên hệ với đồng tộc ở các huyện, thành phố, tỉnh khác để tìm kiếm việc làm, trong đó chủ yếu là đi làm công nhân tại các khu công nghiệp, học nghề cắt tóc, gội đầu, làm nail hoặc đi bán hàng thuê, bưng bê trong các quán ăn, nhà hàng... Tuy nhiên, không ít thanh niên đi làm lại bỏ về vì so với thu nhập từ bốc vác thuê hàng hóa tại biên giới thì

lượng công nhân hoặc các công việc làm thuê ở thành phố thấp hơn phân nửa, thậm chí chỉ bằng một phần ba. Số thanh niên này hầu như chỉ quanh quẩn theo những người anh em họ hàng đi phụ hồ trong xã, huyện, đi vác gỗ thuê... kiếm thu nhập qua ngày với tâm lý chờ đợi biên giới mở cửa trở lại để tiếp tục công việc làm thuê như trước.

3.2. Vận chuyển hàng qua biên giới

- *Cống hàng trên vai, chở hàng bằng xe máy*

“Cống hàng” là công việc mà người dân dùng sức lực thủ công để vận chuyển những thùng hàng di chuyển qua biên giới. Bên cạnh đó, người dân cũng dùng xe máy vận chuyển hàng đi những đoạn đường xa hơn. Chẳng hạn, khi chuyên chở hàng bằng xe máy, mỗi chuyến người dân sẽ chở được 10 thùng, do đó thu nhập có thể lên đến 1 triệu đồng/người/ngày. Những người cống hàng qua biên giới thường tiến hành công việc vào buổi đêm, vận chuyển những thùng hàng 25 - 50kg trên vai bằng qua đường rừng sang điểm tập kết hàng ở bên biên giới. Công việc này mang lại thu nhập khá cao, có những đêm hàng nhiều, vận chuyển liên tục các chuyến trong đêm nên thu nhập có thể lên đến 1 - 1,5 triệu đồng/đêm (Trần Thị Mai Lan, 2022).

Tuy nhiên công việc này có thể mang lại một số rủi ro nếu hàng bị bắt, người tham gia vận chuyển phải đền bù 50% giá trị tiền hàng, nộp phạt nếu

công an Trung Quốc yêu cầu. Bên cạnh đó, việc vận chuyển qua đường rừng vào buổi đêm dễ gây ra nguy hiểm, đặc biệt là các tai nạn lao động khi tham gia vận chuyển hàng hóa hoặc những lúc chạy do bị công an phát hiện.

- *Vận chuyển hàng hóa bằng các xe ô tô trọng tải lớn:*

Như đã trình bày ở trên, Bảo Biên là thôn có hoạt động trao đổi hàng hóa qua biên giới rất lớn, kéo theo đó là rất nhiều các dịch vụ đi kèm giúp người dân kiếm thêm thu nhập. Trong đó nổi bật là hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe tải và đã trở thành thu nhập chính của một số hộ gia đình trước dịch COVID-19: “*Trước năm 2019, hàng hóa qua đây nhiều lắm, ban đầu nhà mình chỉ có 1 xe tải thôi - cái xe màu xanh ngoài bãi kia kia - vừa nói anh vừa chỉ ra phía ruộng cách đó tầm 10 mét - sau đó do công việc ngày một nhiều lên, hàng hóa nhiều nên nhà mình sắm thêm 7 chiếc xe khác, thuê anh em trong nhà lái, vừa tạo công ăn việc làm cho anh em, mình cũng thêm thu nhập. Mình mua chiếc xe tải này năm 2016 trị giá 180 triệu đồng, chỉ sau 4 tháng là đủ vốn mua xe, sau đó gom góp và vay thêm ngân hàng để mua thêm các xe khác*” (PVS, nam, 1991, thôn Bảo Biên, xã Tri Phương).

Hàng hóa từ Hải Phòng lên theo các container tập trung tại cửa khẩu Trà Lĩnh, các chủ xe tải điều phối đội bốc vác vận chuyển hàng từ container lên

xe vận tải nhỏ rồi chở về qua đường tiểu ngạch tại cột mốc thôn Bảo Biên và xuất sang bên Trung Quốc. Hàng hóa có cả hàng sống và hàng đông lạnh như tôm hùm, cua hoàng đế, cá tầm, cá trình, thịt lợn, thịt bò đông lạnh... Bên cạnh đó, các xe tải cũng nhận chở trâu, bò từ chợ huyện Trà Lĩnh về các điểm tập kết tại cột mốc của thôn Bảo Biên, xã Tri Phương. Từ những điểm tập kết này, lái buôn sẽ thuê người dân địa phương dắt trâu, bò qua lối đường mòn sang biên giới.

Anh P, sinh năm 1991, thôn Bảo Biên bắt đầu làm vận chuyển hàng hóa từ năm 2016, hồi đó nhà anh chỉ có 1 xe tải chở hàng nên mỗi ngày anh chở được 2 chuyến từ cửa khẩu Trà Lĩnh vào cột mốc tại thôn, mỗi chuyến được trả 2 triệu đồng tiền mặt. Càng ngày càng nhiều hàng hóa, 1 xe không đủ nên anh có đầu tư thêm 6 chiếc xe tải nhỏ rồi dạy các anh em người nhà hoặc trong xóm lái để vận chuyển hàng hóa/trâu bò từ cửa khẩu Trà Lĩnh hoặc chợ mua bán trâu bò Trà Lĩnh về đường tiểu ngạch của thôn. Thu nhập hàng ngày lúc đó của anh là 15 - 20 triệu đồng/ngày. Đặc biệt hoạt động mua bán trâu bò ở Trà Lĩnh qua biên giới trước năm 2019 rất sôi động, ngày 5-6 chuyến xe chở trâu bò đến biên, 1 chuyến chở được 10 - 12 con và được trả từ 700 nghìn đồng đến 1,2 triệu đồng/xe.

Thu nhập của anh P trước COVID kiếm được tiền tỷ/năm, anh xây được nhà khang trang hơn cho bố mẹ, mua sắm nhiều tài sản tiền bạc dư giả. Tuy

nhiên khi COVID diễn biến ngày càng phức tạp, cả Việt Nam và Trung Quốc đều thực hiện giãn cách xã hội, nhất là Trung Quốc thực hiện gắt gao chính sách “Zero COVID” nên đóng cửa toàn bộ biên giới, thiết lập hàng rào dây thép gai, vì thế hàng hóa dưới xuôi lên bị ứ đọng, bị trả về và dần dần ko có hàng được xuất sang, trong khi đó tiền vay ngân hàng để mua thêm 6 ô tô tải anh vẫn phải trả lãi hàng tháng, vì thế anh quyết định bán 6 chiếc xe đó đi để trả bớt ngân hàng, chỉ để lại 1 chiếc xe tải to nhất anh mua thời kỳ đầu.

Như vậy là, dịch COVID-19 đã khiến nhiều gia đình lao đao từ chỗ thu nhập cao giờ ở nhà bán lẻ tạp hóa nhặt nhanh từng đồng, hoặc thậm chí có gia đình không có khả năng tạo ra thu nhập vì ruộng nương đã bán. Thời điểm tháng 4/2022, chúng tôi đến thôn Bảo Biên và thấy thanh niên ở nhà nhiều, ăn với ngũ cốc không thích đi làm thuê xa. Khi được hỏi lý do thì họ nói rằng: “*Trước đó, bốc vác kiếm 1 ngày 700 - 800 nghìn đồng, tháng kiếm mấy chục triệu nên giờ đi công ty làm thuê kiếm 7 - 10 triệu/tháng thì không đủ tiền tiêu. Thà ở nhà ngủ đợi hết COVID còn hơn. Với lại đi làm công nhân ở Bắc Ninh, Bắc Giang chỉ phù hợp với các bạn nữ thôi*” (PVS, Nam, sinh năm 1995, dân tộc Nùng, thôn Bảo Biên, xã Tri Phương).

3.3. Làm thuê xuyên biên giới

Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần

phát triển kinh tế và ổn định đời sống của người dân. Nhưng thực tế cho thấy, lực lượng lao động ra nước ngoài làm việc theo con đường chính ngạch thường chiếm tỷ lệ thấp. Trong khi đó, thị trường xuất khẩu lao động bất hợp pháp diễn ra khá nhộn nhịp. Theo số liệu của Cục Quản lý Lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) từ năm 2011 đến 2014, có hơn 20 vạn lao động đã và đang làm việc trái phép tại Trung Quốc, tỉnh Cao Bằng, từ năm 2011 đến 2013 có khoảng 8.308 lượt công dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, trong đó 1/4 ở lại làm thuê dài ngày, còn 3/4 đi về trong ngày (dẫn theo Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2017: 111). Tình trạng người dân vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, tiềm ẩn nhiều rủi ro và đặt ra nhiều thách thức đối với chính quyền các cấp cũng là chủ đề nóng được đăng tải trên các kênh thông tin hay trên Báo Biên phòng.

Tình trạng đi làm thuê xuyên biên giới đã và đang diễn ra phổ biến ở các tộc người thiểu số vùng biên giới. Hoạt động này là do người dân cư trú gần biên giới dễ qua lại, tình trạng thiếu đất canh tác, mùa nông nhàn, muốn tăng thêm thu nhập... Người dân ở các vùng biên đi sâu vào nội địa Trung Quốc để làm thuê cho đồng tộc hoặc khác tộc với những công việc thường liên quan đến canh tác nông nghiệp hoặc các công ty thuê thời vụ. Thời gian đi linh hoạt, có thể sáng đi tối về, đi định kỳ theo tuần, theo tháng, theo

năm hoặc theo mùa vụ. Tuy nhiên, thời điểm người dân đi sang Trung Quốc làm thuê nhiều nhất vào những tháng cuối năm, lúc gặt hái xong. Khi đi họ chỉ sử dụng giấy thông hành với tính chất đi thăm thân hay đi chợ. Họ xuất nhập cảnh trái phép qua đường mòn, sông, suối, lối mòn... Người dân không sử dụng giấy thông hành hay hộ chiếu vì xuất nhập cảnh hợp pháp thường không phù hợp với thời gian đi làm thuê trên thực tế. Do địa bàn cư trú giáp biên giới Việt - Trung nên người Nùng, bên cạnh buôn bán và làm thuê nội địa, còn tham gia vào hoạt động kinh tế bên kia biên giới như làm cửu vạn, làm thuê trong nông nghiệp (Hoàng Nam, Hoàng Thị Lê Thảo, 2016: 206). Thôn Thín Phong, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh là một trường hợp điển hình. Thôn có khoảng 40 người thường xuyên sang Trung Quốc làm thuê theo mùa vụ như chặt mía, hái cam, chăn nuôi... Một số đi sâu vào nội địa làm công nhân có hợp đồng lao động dài ngày. Tại thôn Bình Chinh Dưới, khoảng 50 người chia thành các tổ luân phiên bốc vác hàng hóa tại khu vực biên giới. Chẳng hạn, công việc bốc vác mía từ ruộng lên xe để chủ chở đi thường được tính khoán, mỗi xe tầm 10 tấn được chủ người Trung Quốc trả 200 - 250 tệ. Một tổ khoảng 10 người bốc khoảng 2 tiếng, nếu làm trong 8 tiếng thì tiền công trung bình từ 80 đến 100 tệ/ngày.

Người dân cho biết, họ thường làm thuê bên kia biên giới một đợt từ 1

đến 2 tuần rồi trở về vì các công việc chặt mía, trồng mía, hay trồng rừng là những công việc nặng nhọc cần có thời gian nghỉ dưỡng sức; đồng thời họ cũng muốn tránh bị công an, chính quyền Trung Quốc kiểm tra hành chính và phạt tiền.

Trước COVID-19, nhu cầu đi làm thuê qua biên giới ở thể hệ trẻ người Nùng ở huyện Trùng Khánh khá cao. Một số thanh niên đi qua Quảng Tây, nhờ người quen giới thiệu đi sang Quảng Đông vào các công ty chế biến thực phẩm, làm màng bọc thực phẩm, lương 4000 - 6000 tệ/tháng. Với thu nhập này, khi trở về họ có thể xây nhà, có một số vốn kha khá.

Những năm gần đây, xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê trên địa bàn tỉnh Cao Bằng diễn ra phức tạp, có chiều hướng gia tăng, nhất là ở khu vực biên giới, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đặc biệt, từ đầu năm 2020 dịch COVID-19 khiến người dân lâm vào tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp kéo dài, một số đối tượng đã hình thành những đường dây đưa, dẫn người vượt biên trái phép qua đường mòn, lối mờ. Mạng xã hội xuất hiện nhiều nhóm kín tuyển lao động Việt Nam sang lao động bất hợp pháp tại Trung Quốc. Tình trạng trên gây khó khăn cho công tác quản lý của cơ quan chức năng cũng như công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Nhìn chung, việc chuyển đổi các hoạt động sinh kế của người Nùng hiện

nay chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó điều kiện tự nhiên, các yếu tố tộc người (trình độ học vấn, tâm lý tính cách, những phong tục tập quán, ý thức vươn lên của người Nùng...) và những chính sách hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam, chính sách của nhà nước Trung Quốc về vùng biên giới... sẽ chi phối mạnh mẽ đến quá trình chuyển đổi sinh kế của người dân trong thời gian tới.

4. KẾT LUẬN

Các hoạt động mưu sinh của người Nùng ở huyện biên giới Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng khá đa dạng, phản ánh cách ứng xử riêng với môi trường sống và điều kiện kinh tế địa phương của tộc người nghiên cứu. Tuy vẫn duy trì hoạt động trồng trọt nhưng người Nùng có những thích ứng riêng trong việc lựa chọn giống cây, đa dạng cây trồng, thay đổi kỹ thuật canh tác, để nâng cao năng suất và sản lượng. Hoạt động chăn nuôi cũng thể hiện sự thích ứng của người Nùng trước tình hình dịch bệnh. Họ đã chuyển đổi từ chăn nuôi trâu, bò sinh sản sang chăn nuôi gia súc bán thịt để xuất sang Trung Quốc, đem lại nguồn thu nhập quan trọng cho gia đình. Cùng với đó, do đặc thù vùng biên giới nên hoạt động phi nông nghiệp của người Nùng khá đa dạng với các sinh kế như bốc vác, vận chuyển hàng hóa, làm thuê xuyên biên giới... Một số trong những hoạt động phi nông nghiệp này là bất hợp pháp, chính quyền cần có giải pháp hạn chế, quản lý và tạo công ăn việc làm mới phù

hợp cho người dân. Tất cả những hoạt động mưu sinh này đã tạo nên bức tranh sinh kế đa dạng, cho thấy sự thích nghi của người Nùng tại vùng biên giới Việt - Trung thuộc địa phận huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng trong bối cảnh hiện nay. Trong giai đoạn hậu COVID, các hoạt động sinh

kế của người dân gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi chính quyền hai nước Việt Nam và Trung Quốc cần có những chính sách, giải pháp phù hợp để bảo đảm tôn trọng luật pháp hai nước, sự ổn định và phát triển bền vững về sinh kế của người dân. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hoàng Nam - Hoàng Thị Lê Thảo. 2016. “Dân tộc Nùng”, trong Vương Xuân Tình (chủ biên). *Các Dân tộc ở Việt Nam* – Tập 2, Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Ka đai. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. <https://trungkhanh.caobang.gov.vn/>, ngày truy cập 25/6/2023.
3. Lý Hành Sơn - Trần Thị Mai Lan (đồng chủ biên). 2017. *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam: Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Trần Thị Mai Lan. 2021. “Giao lưu văn hóa của người Nùng ở biên giới tỉnh Cao Bằng”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 120-131.
5. Trần Thị Mai Lan. 2022. *Ảnh hưởng văn hóa của một số tộc người ở Trung Quốc đến người Nùng và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ (2021-2022). Hà Nội: Tài liệu lưu tại thư viện Viện Dân tộc học.
6. Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh. 2021. *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Trùng Khánh năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022*.
7. Vương Xuân Tình (chủ biên). 2014. *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.